

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 31/2025/DS-PT

Ngày 09 - 6 - 2025

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nga

Ông Hoàng Hữu Tăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 5, ngày 03 và 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Ô, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; “có mặt”

- Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1940; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ D, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; “vắng mặt”

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; “có mặt”

2. Ông Đỗ Hồng V, sinh năm 1980; Địa chỉ: P R, phường G, quận L, Thành phố Hà Nội; “có mặt” (Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 10 năm 2024)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1960; “có mặt”.

2. Bà Lê Thị V1, sinh năm 1963; “có mặt”

3. Anh Đỗ Xuân N, sinh năm 1987; “vắng mặt”

4. Anh Đỗ Xuân L, sinh năm 1989; “vắng mặt”

5. Bà Lê Thị C1, sinh năm 1959; “vắng mặt”

6. Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1958; “vắng mặt”

7. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1982; “vắng mặt”

8. Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1987; “vắng mặt”

9. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962; “vắng mặt”

10. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1957; “vắng mặt”

11. Bà Phạm Thu M1, sinh năm 1953; “vắng mặt”

12. Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1954; “vắng mặt”

13. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975; “vắng mặt”

14. Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1940; “vắng mặt”

15. Ông Đỗ Văn M2, sinh năm 1959; “có mặt”

16. Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1960; “có mặt”

17. Anh Đỗ Minh T4, sinh năm 1983; “có mặt”

18. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1977; “vắng mặt”

Đều địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

19. Ông Đỗ Xuân K1, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số A phố G, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội; “vắng mặt”

20. Ông Đỗ Văn T5, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số C phố G, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội; “có mặt”

21. Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C; “vắng mặt”

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Đỗ Xuân N, anh Đỗ Xuân L, bà Phạm Thu M1, bà Nguyễn Thị L1, bà Lê Thị C1, anh Đỗ Văn T1, bà Nguyễn Thị T3, ông Đỗ Văn P, bà Bùi Thị M, anh Đỗ Văn H, bà Đỗ Thị T2: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; “có mặt”

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đỗ Ngọc T.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Văn Ổ trình bày: Cụ Đỗ Văn D1, chết năm 1997 là bố ông được thừa hưởng thửa đất ao gọi là ao Bờ Giếng tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên do ông nội ông chia cho và quản lý sử dụng để thả bèo, nuôi cá đến khi qua đời. Năm 1974 chính sách Nhà nước thay đổi ruộng đất, cụ D1 vẫn nhận thửa ao để sử dụng lâu dài, nên không được hưởng đất 5% của Hợp tác xã. Cụ D1 đã để lại cho ông được quyền hưởng toàn bộ tài sản, di sản, đất thổ cư, cũng như thửa ao này, gia đình ông sử dụng và đóng thuế cho nhà nước, sau đó ông là thương binh nên được miễn thuế. Đến khoảng năm 1999 ông cho ông C là cháu trong họ cùng sử dụng một hai năm thì ông đã thuê san lấp ao với khoảng hơn 100 xe đất, cát. Quá trình đo đạc kê khai ông vẫn nhận ao, đến năm 2000, anh Nguyễn Tiến V2 làm trưởng thôn, ông Đỗ Ngọc T sống ở Hà Nội về cấu kết với anh V2 chiếm ao của gia đình ông để làm nhà thờ họ, ông không nhất trí nên giữa ông và dòng họ phát sinh mâu thuẫn. Sự việc xảy ra tranh chấp đã nhiều năm, ông đã gửi đơn ra xã để giải quyết nhiều lần, Ủy ban nhân dân xã C mời hai bên hòa giải nhiều năm, nhiều lần nhưng không thành.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng thửa đất ao là của bố ông, cụ Đỗ Văn D1, do cụ D1 đã mất, nên ông được quyền quản lý, sử dụng theo pháp luật. Nguyên vọng của dòng họ muốn làm nơi thờ cúng thì ông nhất trí sẽ cắt cho 100m² để dòng họ làm nhà thờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị D và bà Lê Thị V1 nhất trí lời khai của ông Đỗ Văn Ổ. Bà D khai nguồn gốc ao Bờ Giếng là của bố bà để lại, từ trước đây gia đình bà quản lý, sử dụng đến khi xảy ra tranh chấp với dòng họ, bà xác định ao là của cụ D1 và đề nghị giao cho ông Ổ là em bà quản lý, sử dụng.

Bà Lê Thị V1 trình bày: cùng thời điểm ông T về chiếm đất ao, khi đó anh V2 là trưởng thôn đã chiếm 57m² đất được Ủy ban nhân dân huyện M cũ cấp cho mẹ bà từ năm 1974 nhưng kê khai đứng tên ông T. Tại xã C có bản đồ, sổ sách tên đất của mẹ bà nhưng ông T lại chiếm 57m² đất này ghi tên ông T, bà không kiện riêng trong vụ án này mà đề nghị xem xét vì liên quan giáp với thửa đất ao. Diện tích đất 57m² bà vẫn đang quản lý, sử dụng và làm nhà xưởng cho thuê.

Lời khai của ông Đỗ Văn C với tư cách đại diện cho đương sự khác đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Ô và yêu cầu của bà Lê Thị V1, với lý do; đất ao là đất của dòng họ Đỗ thôn N, xã C. Nguồn gốc ao này là các cụ tổ tiên 05 đời để lại. Từ trước đến nay dòng họ vẫn quản lý, sử dụng, có thời kỳ còn cho ông và ông Ô thuê ao để lấy hoa lợi, lợi tức làm giỗ họ. Cụ D1 là bố ông Ô là con út trong chi họ, được các cụ giao trông nom ao trước đây chứ không phải ao đó là của cụ D1. Khi đo đạc kê khai năm 1999 thì dòng họ đã họp và thống nhất kê khai đề nghị Ủy ban nhân dân xã C ghi tên họ Đỗ vào sổ sách địa chính, bản đồ. Khi ông Ô đổ đất san lấp dòng họ đã ngăn cản, sự việc mâu thuẫn xảy ra đến nay. Thuế đất là do dòng họ nộp từ khoảng năm 2000 đến 2012 sau đó không phải nộp nữa. Ông yêu cầu, nếu ông Ô cho rằng ao đó là của cụ D1 để lại cho ông thì phải có văn bản giấy tờ gì chứng minh, bản đồ, sổ sách gì ghi tên không. Ông đề nghị nếu theo pháp luật đất của ông Ô thì là của ông Ô, dòng họ không cần ông Ô cho 100m², nếu theo pháp luật đất ao là của dòng họ thì xác định là của dòng họ.

Ông không nhất trí yêu cầu của bà V1 vì mẹ bà V1 là con gái đi lấy chồng thì không thể được cấp đất tại thôn. Thửa đất bà V1 đang ở trước đây mẹ bà V1 bỏ chồng về được cụ D1 cho ở, trong gia đình phát sinh mâu thuẫn, cụ D1 đã viết giấy cho ông Ô thừa kế đòi lại đất này của mẹ bà V1, thửa đất 57m² trước đây là đường thoát nước của ao, việc bà V1 trình bày mẹ được cấp đất năm 1974 là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M2, ông Đỗ Văn K, anh Đỗ Minh T4, ông Đỗ Xuân K1, ông Đỗ Văn T5, đều nhất trí như lời khai của ông Đỗ Văn C.

Ông Đỗ Văn K trình bày: trước đây ông công tác tại thôn N, xã C, dư luận nói là ao của cụ D1 là vì từ trước đến năm 1990 cụ D1 là bố ông Ô quản lý, sử dụng ao, từ năm 1990 khi thực hiện các chính sách đất đai thì gia đình cụ D1 đã từ bỏ ao này để nhận 10 thước đất nông nghiệp, do cụ D1 không nhận ao nên xã đã thu hồi, sau đó dòng họ có họp và có đơn đề nghị, nên xã đã giao trả và ghi tên dòng họ Đ, việc cụ D1 đã từ bỏ, nay ông Ô lại nhận đòi lại là không đúng.

Ông Đỗ Văn K2 trình bày: ông là cháu trưởng, lẽ ra đại diện đứng tên, nhưng do từ những năm 2000 ông bận công việc, nên ông T là chú mới đại diện đứng tên.

Bà Phạm Thị H1 trình bày: Bà thuê nhà xưởng của bà V1 để kinh doanh và không có liên quan gì trong vụ án tranh chấp đất, bà không tham gia tố tụng.

Kết quả xác minh, lập các biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã C:

Về sổ mục kê thời kỳ 299 bị rách, Ủy ban nhân dân xã xác định việc sổ bị rách chưa có cơ sở xác định, các tài liệu này đều đã lâu, bàn giao qua nhiều thời kỳ cán bộ. Đề nghị căn cứ vào các chứng cứ khác để giải quyết.

Về lịch sử quản lý, sử dụng thửa đất ao tranh chấp thì xác định lịch sử quản lý sử dụng thời kỳ, trước khi ghi tên họ Đỗ thì cụ D1 (bố ông Ô) là người quản lý, sử dụng.

Thời kỳ 1982 đất thuộc quyền quản lý của Hợp tác xã, số thửa 157, diện tích 576m², mặc dù tại sổ mục kê bị rách phần ghi tên, nhưng Ủy ban nhân dân xã X do Hợp tác xã quản lý. Thời kỳ 2003 là đất ao, số thửa 285, tờ bản đồ 22, diện tích 399m² tại thôn N, xã C, ghi tên họ Đỗ là do biên bản họp họ Đỗ, Ủy ban nhân dân xã G tên họ Đỗ là căn cứ vào biên bản này, ông Ô khi đó cũng chưa nhất trí và khiếu kiện từ trước đến nay. Thực tế, theo quy định của pháp luật đất đai thì không có thửa đất nào ghi tên dòng họ. Thời kỳ 1993 đến 2003 và thời kỳ dồn thửa đổi ruộng năm 2014 đến nay thì gia đình ông Đỗ Văn Ô và gia đình bà Lê Thị V1 không bị trừ đất nông nghiệp do liên quan đến đất ao hoặc đất thổ cư. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã xác định việc tranh chấp giữa các bên không liên quan và đề nghị không đưa Ủy ban nhân dân xã tham gia tố tụng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá quyền sử dụng đất: Thửa đất bao gồm cả thửa đất ao và đất bà V1 đang quản lý, sử dụng, trên đất nhà bà V1 có nhà, xưởng, công trình; trên thửa đất ao có một số cây cối. Tổng diện tích đất là 790,7m² trong đó thửa đất ao là 402,6m². Giá trị quyền sử dụng đất ao là 90.000 đồng/m² (chín mươi nghìn đồng một mét vuông).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 157, Điều 160, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

2. *Xử:* Công nhận ông Đỗ Văn Ô được quyền quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 285, loại đất ao, tờ bản đồ số 22 năm 2003, diện tích 399m² (thực tế 402,6m²) tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Ghi nhận ông Đỗ Văn Ô tặng cho chi họ Đỗ tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (ông Đỗ Ngọc T đại diện chi họ Đỗ) 100m² đất và chia 50m² đất công sức cho chi họ Đỗ, tổng diện tích của chi họ Đỗ là 150m² đất theo hình ABHIKM trong sơ đồ kèm theo. Các thành viên trong chi họ Đỗ đều có quyền quản lý, sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ông Đỗ Văn Ô có quyền quản lý, sử dụng diện tích còn lại là 252,6m² đất theo hình BCDEFGH trong sơ đồ kèm theo.

Khi án có hiệu lực pháp luật đương sự có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tài sản trên phần đất của ai, người đó được quyền quản lý, sử dụng, việc phân chia đất có sơ đồ kèm theo.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, về chi phí tố tụng khác, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 ông Đỗ Ngọc T kháng cáo đề nghị hủy Bản án dân sự thẩm sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện V kháng nghị đề nghị sửa Bản án dân sự thẩm sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Ổ.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo xác định diện tích đất ao là của chi họ Đỗ đã được kê khai, đăng ký tại hồ sơ địa chính, có biên bản họp họ xác định, hàng năm đều cho thuê để lấy tiền đồ họ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chi họ Đỗ thống nhất tặng cho ông Ổ 150m² đất, và giá trị san lấp ao số tiền 45.000.000 đồng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Nguyên đơn trình bày gia đình đã sử dụng đất liên tục nhưng dòng họ tự xác định là đất chi họ Đỗ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận chi họ Đỗ được quyền sử dụng diện tích ao và ghi nhận sự tự nguyện của C3 họ Đỗ thôn Nghĩa Lộ tặng cho ông Ổ 150m² đất.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hai nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo hồ sơ địa chính thửa đất ao tranh chấp thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã C sau đó ghi tên họ Đỗ nên cấp sơ thẩm đưa Ủy ban nhân dân xã C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, thấy: Mặc dù bản đồ 299 bị rách tại vị trí ghi tên người sử dụng đất, hồ sơ địa chính năm 1993 ghi tên UBND xã sau đó ghi tên người sử dụng là họ Đỗ nhưng quá trình giải quyết tranh chấp đất giữa ông Ô và ông T, theo hướng dẫn số 05/HD-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện V “Diện tích đất ao 399m² có vị trí tạo thửa số 325, tờ bản đồ số 10 xã C là đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo điều 50 của Luật đất đai năm 2003. Căn cứ điều 135 và điều 136 Luật đất đai năm 2003, quy định thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa ông Đỗ Văn T6 và ông Đỗ Văn Ô chỉ có thể giải quyết thông qua việc tổ chức hòa giải tại cấp xã, việc hòa giải phải được sự thỏa thuận của những người được hưởng quyền lợi thừa kế theo pháp luật được quy định tại điều 675, 676, 678... của Bộ luật dân sự năm 2005, và phải được lập thành biên bản, sau đó Chủ tịch UBND xã tổ chức hội đồng tư vấn về đất đai của xã xem xét xác định về quyền sử dụng đất liên quan đề nghị UBND cấp có thẩm quyền xem xét công nhận theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai”. Ngày 22 tháng 8 năm 2009 Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai thửa số 285 tờ bản đồ số 22 diện tích 399m² loại đất ao đã xác định qua kiểm tra hồ sơ: Năm 1982 thửa ao số 187 có diện tích 576m² tại tờ bản đồ số 9 do họ Đỗ quản lý. Họ Đ có giao cho anh C thuê thả cá năm 1994 để lấy hoa hồng phục vụ cho giỗ tổ họ Đỗ. Năm 1999 UB xã tổ chức đo đất thổ cư để xác định vị trí diện tích chủ sử dụng đất được 2 ông trưởng thôn N xác nhận thửa đất ao trên là của họ Đỗ giao cho ông Đỗ Văn T6 đứng tên có sự thỏa thuận của dòng họ. Ông Đỗ Văn T6 thay mặt dòng họ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hàng năm với thửa ao trên. Hồ sơ chủ sử dụng đất của ông Đỗ Văn Ô ở năm 1999 khi U và năm 2003 chỉnh lý bản đồ ông Ô đều không có thửa ao này (thửa 285) mà chỉ ký xác nhận 2 thửa (thửa đất thổ cư số 278 và thửa ao số 277). Qua kiểm tra hiện trạng thửa ao số 285 nằm trọn trong khu dân cư, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở nông thôn. Kết luận của hội đồng tư vấn: Như vậy thửa ao số 285, tờ bản đồ số 22, có diện tích 399m² thuộc quyền sử dụng của họ Đỗ. Do thành phần Biên bản họp Hội đồng tư vấn đất đai xã C chưa có đại diện của UBNDTTQ xã, hội nông dân và hai công dân có hiểu biết sự việc khách quan nên ngày 02 tháng 10 năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện V có công văn số 194/CV-UB yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C khắc phục và thông báo cho ông Ô, ông T6 về các ý kiến nguyện vọng của các thành viên trong họ Đỗ có liên quan quyền lợi. Ngày 19 tháng 10 năm 2009 Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai giữ

nguyên kết luận ngày 22 tháng 8 năm 2009. Cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc thửa đất ao từ trước năm 1990 là của cụ D1 là bố ông Ô với lý do gia đình ông Ô được giao đủ định suất ruộng, không có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để công nhận ông Ô được quyền sử dụng đất thửa số 285 trong khi ông Ô không xuất trình được chứng cứ chứng minh đất là của cụ D1 là không phù hợp. Hội đồng hòa giải giải quyết tranh chấp đất đai xác Chỉ Đạo kết luận thửa đất ao thuộc quyền sử dụng của họ Đỗ nên xác định là chủ sử dụng đất nên sẽ sửa án sơ thẩm công nhận chi họ Đỗ thôn Nghĩa L2 là chủ sử dụng thửa đất.

[4] Quan điểm tặng cho ông Ô 150m² đất và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí san lấp số tiền 45.000.000 đồng, chi phí tố tụng 8.270.000 đồng của chi họ Đỗ là tự nguyện nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[7] Án phí: Kháng cáo được chấp nhận nên ông Đỗ Văn T6 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đỗ Văn Ô là thương binh có đơn đề nghị nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 211 Bộ luật Dân sự. Điều 137, Điều 236 Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của ông Đỗ Văn T6, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

1. Không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa số 285, tờ bản đồ số 22 năm 2003, loại đất Ao, đo thực tế diện tích 402,6m², địa chỉ thửa đất thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên của ông Đỗ Văn Ô.

2. Chi họ Đỗ thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên được quyền sử dụng đất thửa số 285, tờ bản đồ số 22 năm 2003, loại đất Ao, đo thực tế diện tích 402,6m², địa chỉ thửa đất thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3. Công nhận sự tự nguyện của chi họ Đỗ tặng cho ông Đỗ Văn Ổ quyền sử dụng đất diện tích 150m² kê khai thửa số 285, tờ bản đồ số 22 năm 2003 ranh giới giáp đường bê tông kích thước 12.56m, giáp đất ông C và đất bà Huệ D2 kích thước (7.11+2.76+4.66)m, giáp đất bà V1 kích thước 10.17m, giáp đất chi họ Đỗ kích thước 14.49m (hình AMKIHBA trong sơ đồ kèm theo bản án)

4. Chi họ Đỗ thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên được quyền sử dụng đất kê khai thửa số 285, tờ bản đồ số 22 năm 2003, loại đất Ao, diện tích 252.6m² ranh giới giáp Đường bê tông kích thước (6.13+6.38)m, giáp đất ông Ổ và đất bà V1 kích thước (14.49+3.89)m, giáp đất bà V1 kích thước (3.60+10.19)m, giáp đường bê tông kích thước 17.94m (hình DCBHGFE trong sơ đồ kèm theo bản án).

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Ranh giới, vị trí đất được xác định theo sơ đồ kèm theo bản án và là phần không tách rời của bản án)

5. Công nhận sự tự nguyện của chi họ Đỗ thôn N thanh toán trả ông Đỗ Văn Ổ giá trị san lấp ao số tiền 45.000.000 đồng và chi phí tố tụng số tiền 8.270.000 đồng, tổng cộng số tiền 53.270.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Án phí: Ông Đỗ Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại ông T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003881 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Đỗ Văn Ổ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Tăng

Vũ Thị Nga

Trương Quang Tú

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Quang Tú